

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ chi phí khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước (Sửa đổi) ngày 16 tháng 12 năm 2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước; Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 35/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ về việc: “Xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang”; Quyết định số 308/QĐ-TTg ngày 25/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc: “Ban hành kèm theo Quy chế thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội”; Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc: “Phê duyệt Đề án khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng”; Thông tư số 04/2011/TT-BVHTTDL ngày 21/01/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc: “Quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội”;

Căn cứ Nghị quyết số 153/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Khóa XVI, kỳ họp thứ 15 về việc: “Ban hành chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ chi phí, khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá như sau:

I. Đối tượng áp dụng

Người có hộ khẩu thường trú, tạm trú tại tỉnh Thanh Hoá và người vô thừa nhận chết trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá sử dụng hình thức hỏa táng thì thân nhân, tổ chức (chịu trách nhiệm mai táng cho người chết) được hưởng chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng.

II. Mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ cụ thể cho từng đối tượng quy định như sau:

1. Hỗ trợ 100% chi phí hỏa táng theo mức giá của cơ sở hỏa táng (không bao gồm chi phí vận chuyển) cho người mắc bệnh truyền nhiễm theo quy định của pháp luật.

2. Hỗ trợ 3.000.000,0 đồng đối với người từ đủ 10 tuổi trở lên (từ 120 tháng tuổi trở lên, không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1, Mục II, Điều này).

3. Hỗ trợ 2.000.000,0 đồng đối với người dưới 10 tuổi (dưới 120 tháng tuổi, không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1, Mục II, Điều này).

III. Thủ tục thực hiện

1. Thành phần hồ sơ:

a) Tờ khai thông tin cá nhân, tổ chức nhận kinh phí hỏa táng (theo mẫu).

b) Bản sao Giấy chứng tử của người được hỏa táng (trường hợp bản sao không phải là bản sao cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu).

c) Bản chính hóa đơn đã được thanh toán của cơ sở hỏa táng theo quy định của Bộ Tài chính (trường hợp bản chính hoá đơn bị mất hoặc hư hỏng không thể sử dụng được thì phải nộp giấy xác nhận của cơ sở hỏa táng về việc đã hỏa táng và chi trả chi phí hỏa táng, ghi đầy đủ nội dung theo hoá đơn đã được thanh toán như người nộp tiền, người thu tiền, số tiền nộp, số biên lai, ngày nộp tiền...);

d) Bệnh án, kết luận của cơ quan có thẩm quyền đối với đối tượng quy định tại Khoản 1, Mục II, Điều 1.

e) Văn bản ủy quyền hoặc giấy giới thiệu theo quy định (áp dụng đối với các trường hợp thực hiện theo ủy quyền hoặc thông qua tổ chức, đoàn thể theo quy định của pháp luật).

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Cách thức thực hiện.

3.1. Đối với các đối tượng mà thân nhân được hưởng chính sách hỗ trợ từ nguồn kinh phí giao cho địa phương quản lý sẽ thực hiện như sau:

a) Thân nhân thực hiện mai táng cho đối tượng làm 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1, Mục III, Điều 1 gửi Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là UBND xã) nơi đối tượng cư trú.

b) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND xã kiểm tra tính chính xác của các thông tin và thực hiện phần xác nhận trên Tờ khai, trường hợp xác định không thuộc đối tượng được hỗ trợ hoặc chưa đảm bảo theo quy định thì Chủ tịch UBND xã có văn bản trả lời và gửi trả hồ sơ cho đối tượng hoặc hướng dẫn đối tượng sửa đổi, bổ sung hồ sơ hợp lệ. UBND xã tập hợp, kiểm tra các hồ sơ phát sinh hàng tháng, gửi Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội cấp huyện vào các ngày từ 25 đến 30 hàng tháng để thẩm định.

c) Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội cấp huyện thẩm định trình Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành Quyết định hỗ trợ chi phí hỏa táng hoặc phê duyệt (nếu được Chủ tịch UBND cấp huyện uỷ quyền). Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời gian 01 ngày làm việc có văn bản trả lại hồ sơ cho UBND xã (có hồ sơ kèm theo) để trả hồ sơ cho đối tượng hoặc hướng dẫn đối tượng sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

d) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định hỗ trợ chi phí hỏa táng, UBND xã có trách nhiệm cấp, phát kinh phí hỗ trợ hỏa táng cho đối tượng được hưởng. Thời gian cấp phát kinh phí từ ngày 01 đến ngày 07 hàng tháng.

3.2. Đối với các đối tượng do cơ quan, tổ chức thực hiện mai táng và kinh phí hỗ trợ hỏa táng giao cho các cơ quan, tổ chức đó quản lý thì các cơ quan, tổ chức sử dụng nguồn kinh phí đã giao trong dự toán để thực hiện. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm lập và phê duyệt hồ sơ theo quy định tại Quyết định này.

IV. Kinh phí, thời gian thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ được bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh trong dự toán hàng năm.

2. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện các quy định tại Quyết định này.

2. Sở Tài chính tổng hợp, cân đối, bố trí kinh phí hỗ trợ chi phí hỏa táng trong dự toán ngân sách tỉnh hàng năm để trình duyệt, quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành. Thực hiện phối hợp kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng nguồn kinh phí tại các đơn vị.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, các cơ quan có liên quan tuyên truyền, vận động người dân tham gia sử dụng hình thức hỏa táng, chính sách khuyến khích hỏa táng gắn với việc tuyên truyền thực hiện Thông tư số 04/2011/TT-BVHTTDL ngày 21/01/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về việc: “Thực hiện nếp sống văn minh trong tiệc cưới, việc tang và lễ hội”.

4. Các cơ quan, tổ chức thực hiện bảo trợ xã hội hàng năm lập dự toán hỗ trợ chi phí hỏa táng cùng với dự toán thu chi ngân sách nhà nước của đơn vị gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

5. UBND huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

a) Hàng năm, UBND các huyện, thị xã, thành phố lập dự toán hỗ trợ chi phí hỏa táng cùng với dự toán thu chi ngân sách nhà nước của địa phương, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

b) Chỉ đạo các đơn vị phòng, ban tổ chức triển khai và thực hiện các quy định tại Quyết định này, đảm bảo giải quyết thủ tục hành chính đúng thời gian quy định.

c) Chỉ đạo các đơn vị dự trù kinh phí chi hỗ trợ khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng hàng năm cho địa phương.

d) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện cấp phát chi phí hỗ trợ khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn.

6. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai và thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả theo quy định tại Điểm 3.1, Khoản 3, Mục III, Điều 1 của Quyết định này, đảm bảo giải quyết thủ tục hành chính đúng thời gian quy định.

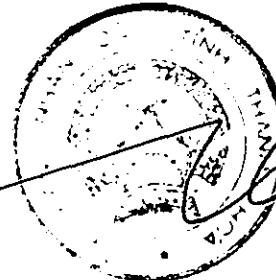
b) Xem xét, thẩm định hồ sơ và thực hiện xác nhận trong Tờ khai thông tin dựa trên cơ sở dữ liệu do địa phương quản lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở; Trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Cục Kiểm tra VB - Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh; UBND tỉnh (để báo cáo);
- Đại biểu QH, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT Thn2015208 (100).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Xứng